TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Lâm Giang
Ông Trần Anh Dũng
Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 17/TB- TA ngày 17/5/2021giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Th, sinh năm 1987 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn K Thượng, xã L, huyện T, tỉnh B.
* *Bị đơn*: Anh Tạ Văn V, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Nơi cư trú cuối cùng: thôn G, xã S, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Dương Thị Th trình bày:

Chị và anh Tạ Văn Vụ kết hôn tháng 8 năm 2005, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại xóm G, xã S, vợ chồng chung sống hòa thuận hành phúc. Đến năm 2017 anh V bỏ đi biệt tích khỏi địa phương, từ khi anh V bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức gì, anh V hiện không có mặt tại địa

phương. Năm 2020 chị đã làm đơn yêu cầu tuyên bố anh V mất tích và Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B tuyên bố anh V mất tích kể từ ngày 20/11/2020. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: anh chị có con chung là Tạ Văn Đ, sinh ngày 11/5/2008, Tạ Xuân N, sinh ngày 23/01/2007. Cháu N đã chết năm 2017. Hiện nay còn cháu Đ đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị xin nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị Th xác định trong thời kỳ hôn nhân với anh V, chị có một con riêng là Dương Phúc Kh, sinh ngày 21/9/2019. Cháu Kh hiện do chị đang nuôi dưỡng. Chị và anh V chưa được giải quyết ly hôn nhưng đã ly thân từ năm 2017. Anh V bỏ đi biệt tích từ tháng 10 năm 2017, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố mất tích đối với anh V. Đến nay chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh V thì chị không yêu cầu giải quyết đối với cháu Dương Phúc Kh là con riêng của chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Th giữ nguyên yêu cầu.

Tại biên các bản làm việc, biên bản xác minh với chính quyền địa phương và bà Tạ Thị D là mẹ đẻ của anh V đều xác nhận: anh V kết hôn với chị Th trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T. Sau khi kết hôn, chị Th về làm dâu gia đình. Trong quá trình chung sống mâu thuẫn giữ chị Th và anh V bà không biết. Từ năm 2011 anh V, chị Th sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Anh V đã vắng mặt tại địa phương từ năm 2017 và cũng không có tin tức gì của anh V.

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Tạ Văn V gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 13/TB-TLVA ngày 15/01/2021; Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ số 13/TB-TA ngày 15/01/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 13/TB-TA ngày 23/02/2021; Thông báo kết quả phiên họp và hòa giải số 01/TB-TA ngày 11/3/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 53/TB-TA ngày 12/3/2021; Thông báo kết quả phiên họp và hòa giải số 02/TB-TA ngày 29/3/2021; Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ số 14/TB-TA ngày 06/4/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 17/TB- TA ngày 17/5/2021.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhiều lần để hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, án phí nhưng anh V không có mặt để tham gia hòa giải. Tại phiên toà anh V vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị Dương Thị Th được ly hôn anh Tạ Văn V.

Về con chung: giao cho chị Th nuôi dưỡng con chung là Tạ Văn Đ, sinh ngày 11/5/2008. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V, có nơi cư trú cuối cùng tại thôn G, xã S, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt nhưng anh V đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh V kết hôn tháng 8 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Năm 2017, anh V bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không có tin tức gì. Vợ chồng chị Th, anh V đã không cùng nhau chung sống 04 năm. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2020/QĐST- VDS ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã tuyên bố anh V mất tích. Hội đồng xét xử thấy, chị Th và anh V có thời không cùng nhau chung sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau và không có tin tức gì của anh V mặc dù đã được thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay anh V không có mặt tại địa phương. Xác định tình cảm vợ chồng chị Th, anh V không còn chung sống, đoàn tụ được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly

hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh chị có con chung là Tạ Văn Đ, sinh ngày 11/5/2008 và Tạ Xuân N, sinh ngày 23/01/2007. Cháu N đã chết năm 2017. Hiện nay còn cháu Đ đang ở với chị Th. Vợ chồng ly hôn chị Th xin nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị Th làm ruộng thu nhập đảm bảo cuộc sống của chị và các con . Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương đều xác nhận cháu Đ đang ở với chị Th. Chị Th đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, các cháu phát triển bình thường. Hội đồng xét xử thấy: chị Th và anh V có 02 con chung, cháu Tạ Xuân N chết năm 2007, cháu Đ đang ở với chị Th. Anh V hiện nay không có mặt tại địa phương. Chị Th có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản tự khai cháu Đ có nguyện vọng được ở với chị Th. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ nên cần giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Th tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Đối với cháu Dương Phúc Kh, sinh ngày 21/9/2019 chị Th xác định là con riêng của chị Th. Cháu Kh hiện do chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con riêng là cháu Kh nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Th không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Th được ly hôn anh Tạ Văn V.

2.Về con chung: giao cho chị Dương Thị Th nuôi dưỡng con chung là Tạ Văn Đ, sinh ngày 11/5/2008. Anh Tạ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Sau khi ly hôn anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Dương Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000175 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Dương Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Oanh